

Xu hướng gia tăng dòng vốn đầu tư ra nước ngoài của các nền kinh tế đang phát triển

HOÀNG XUÂN HÒA

Trong xu thế toàn cầu hóa, cùng với việc thu hút nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài, đầu tư ra nước ngoài là phương thức không thể thiếu được ở một quốc gia thực hiện chính sách mở cửa để tạo thể chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Quá trình phân công lao động và quốc tế hóa đời sống kinh tế thế giới diễn ra ngày càng sâu rộng, giúp các quốc gia phát huy lợi thế so sánh của mình khi tham gia đầu tư ra nước ngoài, cũng như khắc phục các mặt hạn chế về công nghệ và năng lực quản lý và làm tăng hiệu quả hoạt động kinh tế trong nước thông qua việc tiếp nhận đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Đây là cơ sở của sự gia tăng xu hướng đầu tư cả hai chiều thay cho khuynh hướng đơn phương, một chiều trước đây. Bên cạnh đó, còn do sự nỗ lực của các doanh nghiệp ở những nền kinh tế mới nổi trong việc săn lùng nguồn tài nguyên thiên nhiên, thị trường và các tài sản có tính chiến lược, gồm cả công nghệ và thương hiệu.

1. Một số đặc điểm nổi bật của dòng vốn FDI đến từ các nền kinh tế đang phát triển

Lượng vốn đầu tư ra nước ngoài của các nước đang phát triển ngày một gia tăng trong những năm gần đây đã góp phần làm sôi động hơn các hoạt động hợp tác Nam - Nam. Số liệu báo cáo của Unctad năm 2006 cho biết, lượng vốn đầu tư ra nước ngoài của các nước đang phát triển trong tổng lượng vốn FDI toàn cầu đã tăng từ 8% lên 15% trong 25 năm qua. Riêng trong năm 2005, các nước đang phát triển đã đầu tư khoảng 117 tỷ USD, tăng 4% so với năm 2004, chiếm 17% so với tổng lượng vốn FDI toàn cầu. Xu hướng này ngày càng phát triển

mạnh do việc tăng cường thương mại và đầu tư trong nội bộ khu vực ngày một tăng lên. Tuy nhiên, lượng vốn đầu tư ra nước ngoài của các nước có nền kinh tế đang phát triển vẫn chưa thể tương xứng với lượng vốn FDI thu hút từ bên ngoài vào và nguồn vốn này cũng chỉ tập trung vào một số quốc gia nhất định. Phần lớn, nguồn vốn FDI được hình thành trong khuôn khổ các tổ chức liên kết giữa các nước đang phát triển và các công ty nước ngoài, còn việc xuất khẩu vốn từ các nước đang phát triển sang các nước phát triển hầu như không đáng kể.

Trong trào lưu đầu tư ra nước ngoài của các nước đang phát triển thì các doanh nghiệp đóng vai trò rất quan trọng, vì ngày càng có nhiều công ty của các nước đang phát triển mở rộng hoạt động đầu tư của mình ở các thị trường nước ngoài. Năm 2005, các công ty của các nước đang phát triển hiện sở hữu 1.400 tỷ USD vốn đầu tư ở nước ngoài. Vào năm 1990, con số này chỉ là 148 tỷ USD.

Ở một số nước đang phát triển hiện nay, ngoài việc tiếp nhận FDI từ các nước phát triển, đang cố gắng từng bước vươn lên trở thành các nhà đầu tư quốc tế có uy tín, như Trung Quốc, Xingapo, Hồng Kông, Đài Loan... Nhất là Trung Quốc, sau khi trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), đã khai thác được nhiều lợi thế để dần từng bước trở thành “nhà đầu tư lớn” của thế giới. Hiện nay, Trung Quốc đã trở thành nước dẫn đầu thúc đẩy xu hướng đầu tư ra nước ngoài của các nước đang phát triển, chiếm tới 1/3 tổng lượng vốn nói trên. Lượng vốn đầu tư ra nước ngoài của Trung

Hoàng Xuân Hòa, TS, Văn phòng Trung ương Đảng.

Quốc đã tăng từ 0,4 tỷ USD trong thập kỷ 80 của thế kỷ XX lên khoảng 2,3 tỷ USD trong thập kỷ 90. Trong năm 2004, Trung Quốc đã có nhiều dự án đầu tư ra nước ngoài với tổng số vốn 5,5 tỷ USD, tăng mạnh so với năm 2003 và năm 2002. Tính đến năm 2004, Trung Quốc đã đầu tư ở 160 nước và vùng lãnh thổ, với khoảng 7.000 dự án, trị giá hơn 44,8 tỷ USD. Năm 2005, đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc đạt 12,3 tỷ USD, tăng tới 123% so với năm 2004, và trong năm 2006, đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Trung Quốc đã tiếp tục tăng lên 32% so với năm 2005; đạt 16,2 tỷ USD.

Từ năm 1998, Chính phủ Trung Quốc bắt đầu thực hiện chiến lược đưa các doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài nhằm mục tiêu tận dụng “hai thị trường, hai nguồn nguyên liệu” ở trong và ngoài nước, bảo đảm cho nền kinh tế đất nước phát triển bền vững. Chiến lược này đã nhanh chóng được các nhà doanh nghiệp Trung Quốc đồng tình hưởng ứng. Tên tuổi nhiều hãng sản xuất máy tính, điện tử, ô tô... của Trung Quốc như Haier, ChangHong, TCL, Sanghai Dzhong đã không còn xa lạ trên thị trường thế giới. Sản phẩm của Hãng điện tử - điện lạnh Haier đã có mặt ở 160 nước trên thế giới, còn ChangHong đã trở thành nhà sản xuất tivi lớn nhất thế giới với sản lượng hơn 12 triệu chiếc/năm.

Ngoài Trung Quốc, British Virgin Islands và Xingapo cũng là những quốc gia có lượng đầu tư trực tiếp ra nước ngoài lớn. Hàn Quốc đang có nhiều động thái để khuyến khích các doanh nghiệp nước này tăng cường đầu tư ra nước ngoài. Đây là một phần trong những nỗ lực giảm bớt những áp lực lên hoạt động xuất khẩu do sự tăng giá của đồng Won trong thời gian qua. Bộ trưởng Bộ Tài chính Hàn Quốc Kwon O-Kyu cho biết, nước này sẽ miễn thuế thu nhập trong 3 năm đối với các nhà đầu tư địa phương khi đầu tư ra nước ngoài và cho phép gia tăng mức đầu tư vào bất động sản tại nước ngoài, từ mức 1 triệu USD lên 3

triệu USD. Đây là động thái của Chính phủ Hàn Quốc nhằm khuyến khích các tập đoàn Hàn Quốc tăng cường đầu tư ra nước ngoài. Dự kiến lượng vốn đầu tư ra nước ngoài của Hàn Quốc có thể sẽ lên đến 15 tỷ USD trong năm 2007. Một số quốc gia có nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào như Nam Phi cũng đã tăng mạnh lượng đầu tư ra nước ngoài. Các công ty của Nam Phi không chỉ đầu tư vào lĩnh vực dầu lửa, khí đốt, khai thác quặng, mà còn đầu tư vào lĩnh vực viễn thông. Đầu tư trực tiếp nước ngoài đến từ các nước xuất khẩu dầu lửa ở Tây Á như Kuwait, Saudi Arabia và Tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất (UAE) cũng tăng hơn gấp đôi, từ mức 7 tỷ USD vào năm 2004 lên mức 16 tỷ USD vào năm 2006.

Bản báo cáo của Unctad cũng cho biết, các nước đang phát triển đầu tư ra nước ngoài chủ yếu vào lĩnh vực dịch vụ, thay vì lĩnh vực sản xuất hoặc khai thác tài nguyên thiên nhiên. Lĩnh vực đáng chú ý nhất là bất động sản, viễn thông và dịch vụ tài chính. Ngoài ra, trong các ngành công nghiệp sản xuất, các công ty của các nước đang phát triển chủ yếu đầu tư vào sản xuất hàng điện tử, chế biến khoáng sản, cao su và nhựa.

Mặt khác, các nhà đầu tư đến từ các nước đang phát triển chủ yếu đầu tư vào các nước cùng khu vực địa lý và mang tính chất chuyển giao một số ngành, cơ sở kinh tế có năng suất lao động thấp sang các nền kinh tế kém phát triển hơn. Điển hình như năm 2004, Trung Quốc đã có 65 dự án mới đầu tư vào các nước ASEAN, tăng 25% so với năm 2003; tổng giá trị đầu tư mới tăng 225 triệu USD, tăng 238,86% so với năm 2003, chiếm 10,78% tổng giá trị đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Trung Quốc và Trung Quốc trở thành nước cung cấp FDI quan trọng đối với khu vực này. Trong năm 2006, phần lớn lượng đầu tư nước ngoài từ các nước đang phát triển đổ vào các nước khác trong khu vực, đặc biệt là giữa các nước Châu Á với nhau. Theo Unctad, Châu Phi cũng là một

thị trường đang gây sự chú ý, chiếm 28% lượng vốn FDI xuất phát từ các nước đang phát triển, một tỷ lệ gấp đôi so với tỷ lệ trung bình của thế giới.

Một đặc điểm đáng chú ý khác là dòng chảy FDI từ các nền kinh tế đang phát triển tập trung vào một số công ty nhất định. Trong số 100 công ty hàng đầu về FDI của các nền kinh tế đang phát triển, có tới 35 công ty của Trung Quốc và Hồng Kông, 15 công ty của Đài Loan. Ngoài ra, trong số này còn có các công ty dầu lửa của

Malaixia và Venezuela, điện tử của Hàn Quốc và viễn thông của Xingapo. Tuy nhiên, 4 trong số 10 công ty hàng đầu: Hutchinson Whampoa, Jardine Matheson, CITEC và China Ocean Shipping đều là các công ty của Trung Quốc. Trong số 50 công ty đa quốc gia lớn nhất của các nước đang phát triển có tổng tài sản lên tới 1.100 tỷ USD, thì có 336 tỷ USD được đầu tư ở các thị trường nước ngoài, thu hút 3,3 triệu lao động và đạt doanh số hàng năm lên tới 738 tỷ USD.

Số vụ mua các công ty nước ngoài của Trung Quốc (2003-2005)

TT	Công ty bán	Công ty đầu thầu	Giá trị hợp đồng (tỷ USD)
1	Oil & Gas Assets, Gorgon LNG field (Australia)	CNOOC	0,70
2	Ozgen (50%) (Australia)	China Huaneng Group	0,20
3	IBM (personal computer business)	Lenovo Group	1,75
4	Ssangyong Motor co (48,9%) (Hàn Quốc)	SAIC	0,51
5	Unocal Corp. (Mỹ)	CNOOC	18,50
6	Maytag Corp. (Mỹ)	Qingdao Haier	2,25
7	PCCW (20%) (Hồng Kông)	China Network Communications Group	1,02
8	PetroChina International (Indônêxia)	China National Petroleum Corp; PetroChina Co.	0,50

Nguồn: Quốc tế, số 27/2005, tr. 14

2- Các doanh nghiệp Việt Nam với chiến lược phát triển mới trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế

Đầu tư ra nước ngoài đối với các doanh nghiệp Việt Nam là một hướng đi mới, mang tính hấp dẫn cao. Mặc dù vẫn tiềm ẩn không ít rủi ro, nhưng đó là một tiềm năng to lớn trong việc giúp các doanh nghiệp mở rộng thị trường, nâng cao vị thế của doanh nghiệp trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt, cũng như quảng bá hình ảnh của Việt Nam trong nền kinh tế toàn cầu.

Với việc ban hành Nghị định 22/1999/NĐ-CP ngày 14-4-1999 của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam thì xu hướng đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam

ngày càng gia tăng, phạm vi đầu tư được mở rộng. Trong những năm 1989-1990, thời kỳ đầu cho phép các doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài, mỗi năm chỉ có từ 1 đến 3 dự án được cấp phép với quy mô vốn không quá 600.000 USD/dự án. Trong thời kỳ 1991-1995, số lượng các dự án đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam cũng không tăng nhiều, mỗi năm vài ba dự án mang tính chất thăm dò và mở thị trường cho các sản phẩm nông, lâm và thủy sản của Việt Nam. Giai đoạn 1996-2000, số lượng dự án đầu tư ra nước ngoài đã tăng lên gấp đôi so với thời kỳ 1991-1995; đồng thời số vốn đầu tư ra nước ngoài cũng tăng 45%. Từ năm 2001 trở lại đây, số dự án đầu tư ra nước ngoài đã tăng gần gấp 4 lần so với thời

kỳ 1991-1995 và gấp 3 lần so với thời kỳ 1996-2000.

Theo Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), năm 2006, đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam tiếp tục khởi sắc. Các doanh nghiệp Việt Nam đã đầu tư trực tiếp ra nước ngoài 33 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký trên 136,5 triệu USD. Về tăng vốn, có 4 dự án điều chỉnh với tổng vốn tăng thêm 211,2 triệu USD; trong đó, đáng chú ý là dự án hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí tại Angeria của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã phát hiện ra dòng dầu thương mại, nên vốn đầu tư được tăng thêm 208 triệu USD, nâng tổng số vốn thành 243 triệu USD. Như vậy, tính chung cả cấp mới và tăng vốn, trong năm 2006, các doanh nghiệp Việt Nam đã đầu tư ra nước ngoài với tổng vốn đầu tư hơn 347 triệu USD, vốn thực hiện khoảng 80 triệu USD, bằng 23% tổng vốn đầu tư đăng ký trong năm. Con số này đã đưa tổng số vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài từ trước đến nay đạt hơn 968 triệu USD, với 183 dự án. Các dự án đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam tập trung chủ yếu trong lĩnh vực công nghiệp (chiếm 41% số dự án và 75% tổng vốn đầu tư), tiếp theo là lĩnh vực nông nghiệp (với con số tương ứng 20% và 13%), còn lại là lĩnh vực dịch vụ.

Có được kết quả khả quan trên vì trong năm 2006, cơ sở pháp lý của hoạt động đầu tư ra nước ngoài được hoàn thiện hơn - bằng Luật Đầu tư có hiệu lực từ 01-7-2006 đã quy định về việc đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của doanh nghiệp tại Việt Nam. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định 78/2006/NĐ-CP quy định về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài thay thế Nghị định 22/1999/NĐ-CP. Với hành lang pháp lý ngày càng hoàn thiện hơn, được điều chỉnh phù hợp với thực tiễn, hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam sẽ ngày càng thuận lợi hơn, sôi động hơn. Ngoài ra, do các doanh nghiệp trong nước

sau một thời gian phát triển đã có khả năng tài chính và quan tâm mở rộng địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh bằng việc đầu tư ra nước ngoài nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, tiết kiệm chi phí đầu tư sản xuất, chi phí vận tải và khai thác những lợi thế của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Tuy được đánh giá là khởi sắc, song thực tế đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam vẫn chưa có những bứt phá. Số liệu thống kê về lượng dự án và quy mô vốn cho thấy đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn nhỏ, do năng lực tài chính và kinh nghiệm đầu tư còn hạn chế. Quy mô vốn đầu tư trung bình của một dự án cấp mới trong năm 2006 chỉ là 4,12 triệu USD; vốn đầu tư thực hiện khoảng 80 triệu USD, chỉ bằng 23% tổng vốn đầu tư đăng ký trong năm; dòng vốn đầu tư của Việt Nam mới chảy sang trên 30 quốc gia và vùng lãnh thổ, song lại tập trung chủ yếu sang Lào (63 dự án với tổng vốn đầu tư là 418,03 triệu USD tương ứng chiếm 34,4% số dự án và 43,17% về vốn đầu tư), và Liên bang Nga (11 dự án với tổng vốn đầu tư là 73,06 triệu USD; chiếm 6,0% số dự án và 7,5% về vốn đầu tư). Một số dự án tại đầu tư tại Lào như: dự án sản xuất hàng may mặc của Công ty Scavi Việt Nam, dự án trồng cao su tại 4 tỉnh Nam Lào của Công ty Cao su Đắc Lắc (vốn đầu tư thực hiện khoảng 6 triệu USD), dự án trồng - sản xuất - chế biến cao su của Tổng công ty Cao su Việt Nam (vốn đầu tư khoảng 12 triệu USD),... Trong thời gian tới, đầu tư ra nước ngoài sẽ tiếp tục hướng nhiều đến các nước láng giềng như Lào, Campuchia, vì đây là những nước có sự gần gũi về địa lý, có nhiều lĩnh vực Việt Nam có thế mạnh. Các nước này cũng đang trên đà phát triển kinh tế mạnh, cần thu hút đầu tư nước ngoài nên các quy định về luật cũng khá cởi mở.

Nhằm thúc đẩy dòng vốn đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam chảy nhanh hơn trong thời gian tới, Cục Đầu tư nước ngoài đã xây dựng *Đề án khuyến khích đầu tư ra nước*

ngoài, đặc biệt trong các lĩnh vực cần thiết và có thế mạnh của các doanh nghiệp Việt Nam như: khai thác dầu mỏ, làm thủy điện, trồng cây nguyên liệu công nghiệp, khai khoáng... Hiện nay, Đề án khuyến khích đầu tư ra nước ngoài đang được Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh để trình Chính phủ ban hành trong năm 2007. Đề án sẽ cụ thể hóa các chính sách khuyến khích đầu tư, khuyến khích đầu tư vào các địa bàn và lĩnh vực. Với khuôn khổ pháp lý mới thì các thủ tục đầu tư ra nước ngoài được đơn giản hóa hơn, cộng với nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng, tạo thêm nhiều doanh nghiệp có khả năng tài chính để “tái sản xuất mở rộng” bằng cách đầu tư ra nước ngoài. Ngoài ra, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng đề xuất với Chính phủ trong đề án về các cơ chế hỗ trợ, khuyến khích để thúc đẩy hoạt động đầu tư ra nước ngoài, theo đó giao cho các cơ quan ngoại giao, thương vụ và tham tán kinh tế Việt Nam ở nước ngoài có báo cáo định kỳ về chính sách và cơ hội đầu tư của nước sở tại.

Với những động thái tích cực trên cùng với bối cảnh mới trong năm 2007, khi Việt Nam đã là thành viên chính thức của WTO,

hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới; cộng với những cơ chế hỗ trợ, chính sách khuyến khích của Chính phủ sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài. Dự báo trong năm 2007, đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam (bao gồm cả tăng vốn) sẽ đạt khoảng 350 triệu USD, trong đó vốn thực hiện khoảng 100 triệu USD, tăng khoảng 25% so với năm 2006./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo về tình hình đầu tư nước ngoài vào Việt Nam năm 2006 và dự kiến năm 2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ngày 18-01-2007
2. Diễn đàn doanh nghiệp, số 67, tháng 8-2004
3. Đầu tư, số ngày 30-9-2005, tr.14 & số ngày 18-4-2007, tr.5
4. Ngoại thương, số 9, tháng 3-2004 và số 10, tháng 4-2005.
5. Niên giám thống kê 2005-2006
6. Quốc tế, số 36+37, tháng 9-2004
7. Thời báo Kinh tế Việt Nam, số 132 & 206-2004 và các số năm 2006.
8. <http://www.untad.com>